

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Phú Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán																So sánh (%)
			Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	
														Chi giao thông	Chi NN, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
TỔNG SỐ		42.637,629	25.012,305	3.782,294	-	-	-	-	588,406	-	302,760	646,430	18.018,644	7.272,370	2.069,009	374,683	1.299,089	-	59,4
I. Cơ quan, đơn vị thuộc xã		42.637,629	25.012,305	3.782,294	-	-	-	-	588,406	-	302,760	646,430	18.018,644	7.272,370	2.069,009	374,683	1.299,089	-	59,4
1	Phòng Kinh tế	42.637,629	25.012,305	3.782,294	-	-	-	-	588,406	-	302,760	646,430	18.018,644	7.272,370	2.069,009	374,683	1.299,089		59,4